

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 04 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Khoa Luật tại tờ trình số 908/KL-ĐBCL ngày 10 tháng 08 năm 2022 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của Khoa Luật, bao gồm:

1. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế;
7. Chuyên ngành Pháp luật về quyền con người;
8. Chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI
(Chuyên ngành đào tạo thí điểm)**

*(Ban hành theo Quyết định số 2875 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 29 tháng 08 năm 2022
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo**
 - + Tiếng Việt: Pháp luật về quyền con người
 - + Tiếng Anh: Human Rights Laws
- **Mã số chuyên ngành:** Đào tạo thí điểm
 - + Mã số đề xuất: 8380101.07
- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp**
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Khoa Luật, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành pháp luật về quyền con người theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu về các vấn đề lí luận và pháp luật (quốc tế, quốc gia) về quyền con người, có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội; tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ cơ bản và nâng cao về lí luận và pháp luật về quyền con người, bao gồm: những

vấn đề lý luận cơ bản và hiện đại về quyền con người; hệ thống tiêu chuẩn và cơ chế quốc tế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; lịch sử tư tưởng nhân đạo của dân tộc Việt Nam, cũng như quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người; pháp luật và cơ chế bảo vệ, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam...Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lý mang tính hệ thống để có thể giải quyết các công việc chuyên môn từ đơn giản tới phức tạp một cách chính xác và hiệu quả nhất.

- Về kỹ năng

Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về quyền con người ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế một cách độc lập, sáng tạo; phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn và pháp lý về quyền con người phù hợp với quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam và quan niệm chung của cộng đồng quốc tế; có kỹ năng tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật, phổ biến và giáo dục về quyền con người ở Việt Nam cũng như vào việc xử lý các công việc, hoạt động liên quan đến quyền con người ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; ứng dụng các kiến thức tiếp thu được vào công việc hoạt động thực tiễn trong các cơ quan, tổ chức...

- Về năng lực

Với những kiến thức, kỹ năng đã trang bị cho người học, Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quản lý hoặc công tác thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đặc biệt là tại các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ liên quan mật thiết đến vấn đề bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo, các viện, các trung tâm khoa học chuyên ngành pháp luật hoặc các chuyên ngành khác gắn gũi với chuyên ngành pháp luật.

- Về phẩm chất đạo đức

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật về quyền con người.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh:

- + Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực;
- + Môn thi cơ sở: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- + Môn ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng (hoặc phù hợp) với chuyên ngành đăng ký dự thi; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành có chuyên ngành đăng ký dự thi, đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành có chuyên ngành dự thi;

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

3.3.1. *Danh mục các ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:* Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật Hình sự và tố tụng hình sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh; Luật Thương mại quốc tế.

3.3.2. *Danh mục các ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:*

+ Nhóm 1: Một số ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội” gồm: Trình sát an ninh, Trình sát cảnh sát, Điều tra hình sự, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân.

+ Nhóm 2: Một số ngành thuộc nhóm ngành Quản trị - Quản lý gồm: Khoa học quản lý; Quản lý công.

+ Nhóm 3: Các ngành Khoa học chính trị; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước.

- *Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:*

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lí luận chung về NN&PL	4
2	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3
3	Luật hiến pháp Việt nam	4
4	Luật hành chính và tố tụng hành chính VN	4
5	Luật dân sự và tố tụng dân sự VN	3
6	Luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam	3
Tổng số tín chỉ		21

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí và ngoại ngữ (Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

PLO3: Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là những kiến thức chuyên sâu về quyền con người, các nguyên tắc, tiêu chuẩn về quyền con người theo

pháp luật quốc tế và Việt Nam và tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến chuyên ngành đào tạo;

PLO4: Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về quyền con người và quyền công dân; tiếp nhận, phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

PLO5: Áp dụng tốt các kiến thức về quyền con người, quyền công dân để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; nhận thức, phân tích, tổng hợp, đánh giá đúng các vấn đề pháp lí để tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, giải quyết những vấn đề thực tế hoặc giả định phức tạp liên quan đến pháp luật về quyền con người;

PLO6: Phát hiện, dự báo những vấn đề lí luận và thực tiễn về quyền con người để: tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phản biện; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu; so sánh với lí luận và thực tiễn nước ngoài để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

PLO7: Tư vấn pháp luật về quyền con người, quyền công dân; đề xuất, kiến nghị các vấn đề liên quan tới chính sách, pháp luật về quyền con người, quyền công dân cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

POL8: Tra cứu, cập nhật thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học;

PLO9: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo và hiệu quả.

3. Về phẩm chất đạo đức

PLO10: *Phẩm chất đạo đức cá nhân:* Chuẩn mực trong lời nói và hành vi; thân thiện, hợp tác, cầu thị với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc; dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;

PLO11: *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp:* Thực hiện các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của một luật gia; thúc đẩy các nguyên lí và giá trị của pháp luật, đạo đức, công lí, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan, chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo và có trách nhiệm với công việc được giao;

PLO12: *Phẩm chất đạo đức xã hội:* Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân; bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật.

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lí luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;

PLO14: Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển về năng lực chuyên môn;

PLO15: Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lí hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành pháp luật về quyền con người định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức, kĩ năng và phẩm chất được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1:* Làm việc tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhóm 2:* Làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo hoặc nghiên cứu về quyền con người, quyền công dân.

- *Nhóm 3:* Làm việc tại các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế khác trong các lĩnh vực liên quan đến phát triển và quyền con người.

- *Nhóm 4:* Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các văn phòng luật sư, công ty luật, các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lí khác, các doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	60 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	<i>8 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	37 tín chỉ
<i>Bắt buộc :</i>	<i>18 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>19/38 tín chỉ</i>
- Luận văn thạc sĩ:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			8				
1	PHI5002	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	30	5	10	
2		Ngoại ngữ cơ bản *					
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>Basic English</i>)		35	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản (<i>Basic Russian</i>)		35	15	10	
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản (<i>Basic French</i>)	4	35	15	10	
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản (<i>Basic German</i>)		35	15	10	
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản (<i>Basic Chinese</i>)		35	15	10	
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH			37				
II.1. Các môn học bắt buộc (Compulsory Subjects)			18				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí (<i>Legal research methods</i>)	2	18	6	6	
4	CAL6014	Triết học và tư tưởng về quyền con người (<i>Philosophy and Thoughts of Human Rights</i>)	3	27	9	9	
5	CAL6015	Các nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người (<i>International Human Rights Principles and Standards on Human Rights</i>)	3	27	9	9	
6	CAL6016	Pháp luật quốc tế về quyền con người của các nhóm dễ bị tổn thương (<i>International Law on Human Rights of Vulnerable Groups</i>)	3	27	9	9	
7	CAL6017	Cơ chế quốc tế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người (<i>International Mechanism on Protection and Promotion of Human Rights</i>)	3	27	9	9	
8	CAL6019	Pháp luật và cơ chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền ở Việt Nam (<i>Laws and Mechanism for Protection and Promotion of Human Rights in Vietnam</i>)	2	18	6	6	
9	CAL6032	Dân chủ, dân chủ hóa và quyền con người (<i>Democracy, democratization and Human Rights</i>)	2	18	6	6	
II.2. Các môn học tự chọn (Elective Subjects):			19				
10	CAL6018	Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người (<i>Viewpoints, Policies of Communist Party and State of Vietnam on Human Rights</i>)	2	18	6	6	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11	CAL6020	Tư tưởng nhân đạo, nhân quyền trong lịch sử Việt Nam <i>(Thoughts of Humanity and Human Rights in History of Vietnam)</i>	3	27	9	9	
12	CAL6021	Quyền con người trong một số ngành luật quốc tế khác <i>(Human Rights in some other branches of international law)</i>	3	27	9	9	
13	CAL6022	Quyền con người và phát triển xã hội <i>(Human Rights and Social Development)</i>	3	27	9	9	
14	CAL6023	Pháp luật và cơ chế khu vực về quyền con người <i>(Regional Laws and Mechanisms for Human Rights)</i>	3	27	9	9	
15	CAL6024	Pháp luật và cơ chế quốc gia về quyền con người <i>(National Laws and Mechanisms of Human Rights)</i>	3	27	9	9	
16	CAL6025	Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp <i>(Human Rights in the Administration of Justice)</i>	3	27	9	9	
17	CAL6026	Luật nhân đạo quốc tế <i>(International Humanitarian Law)</i>	3	27	9	9	
18	CAL6027	Hiến pháp và quyền con người <i>(Constitutions and Human Rights)</i>	3	27	9	9	
19	CAL6028	Quyền con người trong quan hệ quốc tế <i>(Human Rights in International Relations)</i>	3	27	9	9	
20	CAL6029	Toàn cầu hóa và quyền con người <i>(Globalization and Human Rights)</i>	3	27	9	9	
21	CAL6030	Quyền con người trong khu vực ASEAN <i>(Human Rights in ASEAN)</i>	2	18	6	6	
22	CAL6031	Quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế và Việt Nam <i>(The rights of the child in international and Vietnamese law)</i>	2	18	6	6	
23	CAL6033	Lí luận và pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo <i>(Theory and law on freedom of religion and belief)</i>	2	18	6	6	
III.	CAL7202	Luận văn (Thesis) <i>Luận văn về lí luận, pháp luật và thực tiễn về quyền con người</i> <i>(Thesis in Theories, Laws and Practices of Human Rights)</i>	15				
Tổng			60				